

Số: 479 /QĐ - UBND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh
Bắc Giang đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012-2020; Quyết định số 269/QĐ- TTg ngày 2/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang “về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Công văn số 02/BXD-PTĐT ngày 18/01/2017, Công văn số 32/BXD-PTĐT ngày 23/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc góp ý Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 227 - TB/TU ngày 28/7/2017 của Tỉnh ủy Bắc Giang thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 43/TTr-SXD ngày 08/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 (kèm theo Hồ sơ Chương trình) với những nội dung chính sau:

I. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm

- Phát triển đô thị phải phù hợp Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội; Chương trình phát triển đô thị Quốc gia của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang “về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

- Phát triển đô thị phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ; tiến tới xây dựng đô thị đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội với cấp độ thích hợp, tạo môi trường sống tốt, tạo điều kiện khai thác có hiệu quả chức năng của mỗi đô thị trong đó tập trung xây dựng một số đô thị có sức cạnh tranh cao; phát huy vai trò động lực của các đô thị đối với khu vực nông thôn, miền núi; nâng cao chất lượng đô thị, dịch vụ tiện ích đô thị và chất lượng cuộc sống của nhân dân đô thị. Khai thác hiệu quả sử dụng đất đô thị, phát huy vai trò đô thị là trung tâm, đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Mục tiêu phát triển

- Làm cơ sở để lập chương trình phát triển cho từng đô thị, lập đề án nâng loại đô thị; thành lập đô thị mới, lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị, kế hoạch triển khai thực hiện các dự án, đầu tư phát triển đô thị.

- Giai đoạn 2017 - 2020: Nâng cấp một số đô thị và thành lập mới thị trấn, mở rộng ranh giới hành chính đô thị; nâng tỷ lệ dân số đô thị toàn tỉnh đạt khoảng 22- 23%;

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tiếp tục Nâng cấp một số đô thị và thành lập mới thị trấn, mở rộng ranh giới hành chính đô thị; nâng tỷ lệ dân số đô thị toàn tỉnh đạt khoảng 35-38%;

- Giai đoạn 2026 - 2030: Hoàn chỉnh hệ thống đô thị phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng tỷ lệ dân số đô thị toàn tỉnh đạt khoảng hơn 40-45%.

II. Nội dung chủ yếu của Chương trình

1. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị cần đạt được đến năm 2030

1.1. Về dân số đô thị

Hiện trạng dân số toàn tỉnh năm 2016 khoảng 1.657.600 người, dân số đô thị toàn tỉnh năm 2016 khoảng 244.400, đạt tỷ lệ 14,74% dân số toàn tỉnh.

- Đến năm 2020: Dân số đô thị khoảng 371.800 người, chiếm tỷ lệ 22%;

- Đến năm 2025: Dân số đô thị khoảng 659.500 người, chiếm tỷ lệ 35,0%;

- Đến năm 2030: Dân số đô thị khoảng 857.700 người, chiếm tỷ lệ 43,5%.

1.2. Về chất lượng đô thị

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt $\geq 30\text{m}^2/\text{người}$; tỷ lệ nhà kiên cố đạt $\geq 95\%$;

- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị tại đô thị loại I đạt $\geq 26\%$; đô thị loại III đạt $\geq 19\%$, đô thị loại IV đạt $\geq 18\%$, đô thị loại V đạt $\geq 15\%$; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu tại đô thị loại I đạt $\geq 35\%$; đô thị loại III đạt $\geq 25\%$; đô thị loại IV và V đạt $\geq 20\%$;

- Tiêu chuẩn cấp nước tại đô thị loại I đạt $\geq 120\text{lít}/\text{người}/\text{ngày}$ đêm, đô thị loại III, loại IV, loại V đạt $\geq 100\text{lít}/\text{người}/\text{ngày}$ đêm;

- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh: Đô thị loại I đạt 100%, đô thị loại III, loại IV, loại V đạt 85- 95%;

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt $\geq 85\%$ diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị;

- Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom xử lý đạt quy chuẩn tại đô thị $\geq 80\%$ lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15% đối với các đô thị từ loại II đến loại IV; dưới 20% đối với các đô thị loại V.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 100%; 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính và khu nhà ở, ngõ xóm tại đô thị loại I đạt 100%; các đô thị loại III, loại IV, loại V đạt 90% chiều dài các tuyến đường chính và 90% chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng.

- Đất cây xanh đô thị, đối với đô thị I đạt $\geq 23\text{m}^2/\text{người}$; đô thị loại III, loại IV đạt $\geq 9\text{m}^2/\text{người}$; đô thị loại V đạt $\geq 6\text{m}^2/\text{người}$. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt từ $\geq 7\text{m}^2/\text{người}$.

1.3. Chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội đô thị

- Đất xây dựng công trình dịch vụ, công cộng: đối với đô thị loại I đạt $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$, đô thị loại 3, loại 4 đạt $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$, đô thị loại 5 đạt $\geq 3,5\text{m}^2/\text{người}$.

2. Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030

2.1. Danh mục, lộ trình phát triển đô thị theo từng giai đoạn

a) Giai đoạn năm 2017-2020: Toàn tỉnh có 20 đô thị, trong đó:

- 01 đô thị loại II: TP. Bắc Giang.

- 04 đô thị loại IV: Mở rộng thị trấn Chũ đạt tiêu chí đô thị loại III, tiến tới thành lập thị xã Chũ; TT. Thắng mở rộng (đã được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận năm 2012); TT. Đồi Ngô mở rộng (dự kiến gồm TT.Đồi Ngô, TT. Lục Nam, xã Tiên Hưng và Chu Điện) nâng cấp từ đô thị loại V lên đô thị

loại IV; TT.Bích Động mở rộng (dự kiến gồm TT Bích Động, xã Bích Sơn, xã Hồng Thái, xã Hoàng Ninh) nâng cấp từ đô thị loại V lên loại IV.

- 15 đô thị loại V: Trong đó có 10 đô thị hiện có là TT.Neo, TT.Cao Thượng, TT.Cầu Gò, TT.Vôi, TT.Nénh, TT.An Châu, TT.Thanh Sơn, TT.Nhã Nam, TT.Bố Hạ, TT.Kép và 05 đô thị hình thành mới là Mỏ Trạng, Bách Nhẫn, Phố Hoa, Phương Sơn, Phi Điền.

b) Giai đoạn năm 2021-2025: Toàn tỉnh có 21 đô thị, trong đó:

- 01 đô thị loại I: TP. Bắc Giang;

- 01 đô thị loại III: Thị trấn Chũ;

- 04 đô thị loại IV: TT.Thăng mở rộng, TT.Bích Động, TT.Đồi Ngô, TT.Vôi (trong đó có 03 đô thị đã nâng cấp giai đoạn trước và 01 đô thị nâng cấp từ đô thị loại V lên đô thị loại IV là thị trấn Vôi);

- 15 đô thị loại V: Trong đó có 14 đô thị hiện có là TT.Neo, TT.Cao Thượng, TT.Cầu Gò, TT.An Châu, TT.Thanh Sơn, TT.Nhã Nam, TT.Bố Hạ, TT.Nénh, TT.Kép, TT.Mỏ Trạng, TT.Phương Sơn, TT.Phi Điền, TT.Phố Hoa, TT.Bách Nhẫn, 01 đô thị thành lập mới là Tân Sơn, huyện Lục Ngạn.

c) Giai đoạn năm 2026- 2030: Toàn tỉnh có 24 đô thị, trong đó:

- 01 đô thị loại I: TP. Bắc Giang;

- 01 đô thị loại III: Thị xã Chũ;

- 02 thị xã loại IV: Thị xã Việt Yên, Thị xã Hiệp Hòa;

- 03 thị trấn loại IV: TT. Đồi Ngô, TT. Vôi, TT. Neo (trong đó nâng cấp TT. Neo từ đô thị từ loại V lên loại IV);

- 17 đô thị loại V: trong đó 11 đô thị đã có là TT.An Châu, TT.Cầu Gò, TT.Cao Thượng, TT.Nhã Nam, TT.Bố Hạ, TT.Mỏ Trạng, TT.Kép, TT.Phương Sơn, TT.Phi Điền, TT.Thanh Sơn, TT.Tân Sơn và hình thành mới 06 đô thị thành lập mới là Long Sơn, Nghĩa Phương, Cẩm Lý, Bi, Việt Lập, Biện Động.

2.2. Lộ trình nâng loại đô thị và điều chỉnh địa giới hành chính đô thị

a) Thành phố Bắc Giang: Năm 2017 – 2018 Lập điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính cho thành phố Bắc Giang (dự kiến 8 xã và thị trấn Tân Dân); Năm 2024 – 2025 lập đề án đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại I.

b) Huyện Việt Yên: Năm 2017- 2018, Lập quy hoạch chung đô thị Bích Động mở rộng; Năm 2018, lập đề án mở rộng địa giới hành chính cho TT. Bích Động (dự kiến gồm toàn bộ địa giới hành chính TT. Bích Động, xã Bích Sơn, xã Hồng Thái, xã Hoàng Ninh) đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; Năm 2026 thành lập thị xã Việt Yên (thị xã loại IV).

c) Huyện Yên Dũng: Năm 2018 lập điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính TT. Neo theo quy mô diện tích của quy hoạch chung đã xác định; Năm 2027 lập đề án đề nghị công nhận TT. Neo đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

d) Huyện Hiệp Hòa: Năm 2017 Lập quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa; Năm 2018 Lập điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính thị trấn Thắng, Lập đề án đề nghị công nhận thị tứ Bách Nhân và Phố Hoa đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; Năm 2019, thành lập thị trấn Bách Nhân và Phố Hoa; Năm 2025 lập Đề án đề nghị công nhận huyện Hiệp Hòa là đô thị 4; Năm 2027 lập đề án thành lập thị xã Hiệp Hòa (thị xã loại IV).

đ) Huyện Tân Yên: Năm 2017- 2018 lập điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính TT Cao Thượng, TT Nhã Nam quy mô diện tích theo quy hoạch chung đã xác định, sát nhập xã Nhã Nam vào TT. Nhã Nam; Năm 2019 lập Quy hoạch chung TT Việt Lập quy mô diện tích đủ tiêu chuẩn đô TT loại V; Năm 2026 thành lập TT Bi; Năm 2027 thành lập TT Việt Lập.

e) Huyện Yên Thế: Năm 2017-2018 thành lập thị trấn Mỏ Trạng; Năm 2018 lập điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn Bồ Hạ sáp nhập với xã Bồ Hạ, điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Cầu Gồ; Năm 2019 lập điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính thị trấn Cầu Gồ, quy mô diện tích theo quy hoạch chung xác định.

f) Huyện Lạng Giang: Năm 2017 lập điều chỉnh quy hoạch chung mở rộng thị trấn Vôi; Năm 2017- 2018 lập điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính thị trấn Kép, quy mô diện tích như quy hoạch chung đã xác định; Năm 2020 lập điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn Vôi quy mô diện tích theo quy hoạch chung xác định; Năm 2023 lập đề án đề nghị công nhận thị trấn Vôi đủ tiêu chuẩn đô thị loại IV.

g) Huyện Lục Nam: Năm 2017 lập Quy hoạch chung thị trấn Phương Sơn đảm bảo đủ tiêu chí trở thành đô thị loại V; Năm 2017-2018 lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đồi Ngô mở rộng; Năm 2019 Lập Đề án đề nghị công nhận thị trấn Đồi Ngô mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; Năm 2019 Lập Đề án sáp nhập thị trấn Lục Nam, xã Tiên Hưng và Chu Điện vào thị trấn Đồi Ngô và Thành lập thị trấn Phương Sơn là đô thị loại V; Năm 2019 Lập quy hoạch chung thị tứ Nghĩa Phương, Cẩm Lý theo tiêu chí trở thành đô thị loại V; Năm 2027 thành lập thị trấn Nghĩa Phương và Cẩm Lý.

h) Huyện Lục Ngạn: Năm 2017-2018 lập quy hoạch chung thị xã Chũ, lập quy hoạch chung thị tứ Phì Điền theo các tiêu chí đô thị loại V để thành lập thị trấn. Năm 2025 lập đề án đủ tiêu chí đô thị loại III, hướng tới thành lập thị xã Chũ. Năm 2019 thành lập thị trấn Phì Điền, lập quy hoạch chung thị tứ Biển Động, theo tiêu chí đô thị loại V; Năm 2025 - 2026 thành lập thị trấn loại V (Tân Sơn và Biển Động).

i) Huyện Sơn Động: Năm 2017 Lập điều chỉnh quy hoạch chung mở rộng thị trấn An Châu; Năm 2018 Lập điều chỉnh địa giới hành chính theo quy hoạch đã xác định. Năm 2018 lập điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn Thanh Sơn, quy mô diện tích như quy hoạch chung đã xác định. Năm 2019 lập quy hoạch chung thị tứ Long Sơn, theo tiêu chí đô thị loại V; Năm 2027 thành lập thị trấn loại V.

3. Chương trình ưu tiên giai đoạn đầu (2017 - 2020)

3.1. Chương trình ưu tiên xây dựng đô thị

a) Xây dựng mới và nâng cấp cải tạo cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật các đô thị gồm công trình dịch vụ thương mại - du lịch, cơ sở y tế khám chữa bệnh - chăm sóc sức khỏe, trường học các cấp, công trình văn hóa - thể thao, công viên cây xanh, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, hệ thống giao thông, cấp điện, chiếu sáng đường phố, cấp nước, thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, trồng cây xanh đường phố... nâng cao chất lượng môi trường đô thị; trong đó ưu tiên cho TP. Bắc Giang, TT. Chũ, Huyện Hiệp Hòa, Huyện Việt Yên, TT. Đồi Ngô, TT. Vôi, TT. Neo là những đô thị sẽ phát triển sớm hơn.

b) Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng, xây dựng các khu dân cư mới tại các đô thị, các trung tâm xã; Ưu tiên xây dựng các khu đô thị mới Đình Trám Sen Hồ, Quang Châu, Hoàng Ninh (Huyện Việt Yên); Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang; Khu đô thị Bách Việt Lake Garden; Khu đô thị Kosy; Khu dân cư Đồng Cửa 2; Khu đô thị Phường Mỹ Độ, Khu dân cư dọc đường Xương Giang; Khu dân cư Tân Mỹ thuộc thành phố Bắc Giang và khu dân cư mới thuộc các đô thị như khu dân cư phía Tây thị trấn Thắng và khu đô thị số 3 thuộc thị trấn Thắng (huyện Hiệp Hòa); Khu dân cư thuộc thị trấn Neo, TT.Đồi Ngô, TT.Vôi...

c) Ưu tiên Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật, kho bãi Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang; các Khu, Cụm công nghiệp, công trình dịch vụ thương mại - dịch vụ ,du lịch tạo động lực phát triển các đô thị.

d) Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội cho các đô thị chuẩn bị thành lập là thị trấn Mỏ Trạng (Yên Thế), Phương Sơn (Lục Nam), Phi Điền (Lục Ngạn), Bách Nhân, Phố Hoa (Hiệp Hòa), là những đô thị thành lập trong giai đoạn đầu.

đ) Ưu tiên dự án thoát nước và phòng chống ngập úng cho thành phố Bắc Giang; Nâng cấp Nhà máy xử lý nước thải TP. Bắc Giang; Xây dựng nhà máy nước DNP - Bắc Giang.

e) Các dự án cải tạo chỉnh trang đô thị, xây dựng khu dân cư mới, tuyến phố văn minh, các dự án về công viên cây xanh, công trình thể thao - văn hóa, nâng cấp cơ sở y tế, trường học...cho các đô thị Thắng, Neo, Bích Động, Vôi, Đồi Ngô, các thị trấn huyện lỵ.

3.2. Chương trình ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khung phục vụ phát triển đô thị

a) Giao thông đường bộ: Ngoài các tuyến Quốc lộ do Trung ương đầu tư, sẽ ưu tiên đầu tư các tuyến nối đô thị với hệ thống giao thông quốc gia, đường bộ cấp tỉnh, nối đô thị với đô thị và các Khu, Cụm công nghiệp.

b) Giao thông đường tỉnh: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn đường cấp IV trở lên. Đoạn qua thành phố, thị xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn đường đô thị theo quy hoạch chung được duyệt. Giai đoạn 2017-2020 xây dựng một số tuyến đường nối với tỉnh Thái Nguyên, Hải Dương và Bắc Ninh; Xây

dụng mới thay thế các cầu yếu chịu tải trọng nhỏ trên các tuyến. Nâng cấp một số tuyến đường huyện quan trọng lên thành đường tỉnh, kết hợp mở mới một số tuyến, đoạn tuyến mới ở những khu vực cần thiết.

c) Giao thông phục vụ phát triển công nghiệp: Tập trung ưu tiên đầu tư nâng cấp cải tạo QL1, QL17, QL31, ĐT 295B, ĐT 298, ĐT 398... phục vụ phát triển các Khu, Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Yên Dũng, Việt Yên, Hiệp Hòa, Tân Yên.

d) Đường sắt: Đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng vận tải đường sắt, nâng cấp mở rộng các nhà ga hiện có, xây dựng ga đường sắt tổng hợp nằm tại khu vực giao giữa đường vành đai V (vùng Thủ đô) với đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn phục vụ hàng hóa, hành khách và giữ vai trò là ga đầu mối của các khu công nghiệp.

đ) Đường thủy: Xây dựng mới cảng Quang Châu; Quy hoạch cảng Đồng Sơn thành cảng tổng hợp; Nâng cấp bến thủy xã Tân Tiến thành cảng vật liệu xây dựng; Chuyển cảng Á Lữ thành cảng hành khách; Nâng cấp bến Cẩm Lý thành cảng Cẩm Lý; Nâng cấp bến Mỹ An thành cảng Mỹ An.

e) Cấp nước: Xây dựng nhà máy nước phục vụ liên đô thị, như Nhà máy nước DNP - Bắc Giang cấp nước cho TP. Bắc Giang, Việt Yên, Lạng Giang, Khu, Cụm công nghiệp trong khu vực dự án và vùng lân cận; NMN Khám Lạng sử dụng cho 6 xã trong khu vực; Xây dựng mới và nâng cấp các NMN như: thị trấn Neo, Tân Dân; Cao Thượng, Cầu Gồ, Bồ Hạ, Chũ, Tân Sơn; Long Sơn.

f) Cấp điện: Xây dựng Nhà máy nhiệt điện An Khánh, Lục Nam; Xây dựng trạm 220kV Quang Châu; Trạm 220kV Lạng Giang; Nâng công suất trạm 220kV Hiệp Hòa;

- Xây dựng mới 15 trạm biến áp 110KV gồm: Trạm Đa Mai, Nam thành phố Bắc Giang, Yên Dũng, Xuân Phú, Quang Châu, Sông Cầu, Vân Trung, Tân Yên, Bồ Hạ, Sơn Động, Yên Lu, Nhã Nam, Tân Thịnh, Lục Ngạn 2, Bắc Lũng;

- Nâng công suất máy biến áp 110kv: Song Khê, Lạng Giang, Cầu Gồ, Lục Nam, Lục Ngạn, Đa Mai, Nam thành phố Bắc Giang, Yên Dũng, Quang Châu, Sông Cầu, Bồ Hạ, Tân Yên, Sơn Động.

g) Xử lý CTR: Xây dựng 02 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn quy mô lớn là: KXL Đa Mai (TP. Bắc Giang), KXL Nham Sơn -Thắng Cương (huyện Yên Dũng). Sử dụng công nghệ chế biến phân hữu cơ, tái chế CTR, chôn lấp CTR hợp vệ sinh để xử lý CTR sinh hoạt cho thành phố Bắc Giang, huyện Yên Dũng và CTR công nghiệp, công nghiệp nguy hại trên địa bàn toàn tỉnh.

Xây dựng 06 khu xử lý cấp vùng huyện (Việt Yên, Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang, Yên Thế, Hiệp Hòa), xử lý cho đô thị và khu vực nông thôn phụ cận.

4. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư

- Tổng nhu cầu vốn đến năm 2030 khoảng 43.332 tỷ đồng, trong đó vốn Ngân sách tỉnh khoảng 1.080 tỷ đồng (chiếm 2,5%), Ngân sách huyện, xã,

khoảng 1.063 tỷ đồng (chiếm 2,45%), vốn đầu theo hình thức đối tác công tư PPP, khoảng 41.189 tỷ đồng (chiếm 95,05%) .

4.1. Vốn đầu tư phát triển đô thị.

- Giai đoạn 2017 - 2020: Nhu cầu vốn chương trình: khoảng 6857 tỷ, trong đó vốn Ngân sách tỉnh 180 tỷ đồng (chiếm 2,6%), Ngân sách huyện, xã, khoảng 99 tỷ đồng (chiếm 1,4%), vốn đầu theo hình thức đối tác công tư PPP, khoảng 6578 tỷ (chiếm 96%).

- Giai đoạn 2021 - 2025: Nhu cầu vốn chương trình khoảng 11.199 tỷ, trong đó vốn Ngân sách tỉnh 363 tỷ (chiếm 3%), Ngân sách huyện, xã khoảng 294 tỷ (chiếm 2,6%), vốn đầu theo hình thức đối tác công tư PPP, khoảng 10.543 tỷ (chiếm 94,1%).

- Giai đoạn 2026 - 2030: Nhu cầu vốn chương trình: khoảng 8.469 tỷ, trong đó vốn Ngân sách tỉnh 204 tỷ (chiếm 2,4%), Ngân sách huyện, xã 294 tỷ (chiếm 2,6%), vốn đầu theo hình thức đối tác công tư PPP, khoảng 7.979 tỷ (chiếm 94,3%).

4.2. Vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung

- Giai đoạn 2017 - 2020: Nhu cầu vốn của hạ tầng khung: khoảng 5.464 tỷ, trong đó vốn Ngân Sách tỉnh 192 tỷ đồng (chiếm 3,5%), Ngân sách huyện, xã khoảng 157 tỷ (chiếm 2,9%), vốn đầu theo hình thức đối tác công tư PPP, khoảng 5.115 tỷ đồng (chiếm 93,6%).

- Giai đoạn 2021 - 2030: Nhu cầu vốn của hạ tầng khung: khoảng 11.342 tỷ đồng, trong đó vốn Ngân Sách tỉnh 144 tỷ đồng (chiếm 1,3%), Ngân sách huyện, xã khoảng 216 tỷ đồng (chiếm 2%), vốn đầu theo hình thức đối tác công tư PPP, khoảng 10.981 tỷ đồng (chiếm 96,7%).

5. Các giải pháp chủ yếu

5.1. Giải pháp quản lý xây dựng đô thị đảm bảo phát triển bền vững

- Phát triển đô thị theo đúng quy hoạch, chương trình, có kế hoạch và lộ trình cụ thể, không phát triển bằng mọi giá, tránh cục bộ thiếu tính liên kết, thiếu tích hợp đa ngành; lựa chọn mô hình phát triển hợp lý theo quan điểm và tầm nhìn của từng đô thị; hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo xây dựng đồng bộ và đi trước một bước để hình thành cơ sở hạ tầng khung làm cơ sở thu hút các dự án thành phần;

- Tăng cường công tác lập quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, bảo đảm tính kịp thời trong dẫn dắt, thu hút đầu tư phát triển, đặc biệt là thiết kế đô thị ở thành phố Bắc Giang và các đô thị sẽ trở thành thị xã, đô thị loại IV;

- Xác định các khu vực phát triển đô thị cho giai đoạn 5 năm và hàng năm, nhằm phát triển đô thị có trọng tâm, trọng điểm không dàn trải, tiết kiệm hiệu quả và phát huy nguồn lực đất đai,

5.2. Giải pháp vốn đầu tư

- Vốn ngân sách ưu tiên đầu tư các công trình có thể tạo sức lan tỏa lớn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và công trình khó thu hút được nguồn vốn xã hội hóa. Trong ngắn hạn, ưu tiên vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục đầu tư tạo đột phá phát triển kinh tế và nâng cao vai trò, chức năng cho các đô thị giai đoạn 2017-2020.

- Tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, của nước ngoài (vốn WB, ADB, FDI), các nguồn vốn hợp pháp khác và tìm kiếm các nguồn vốn vay ưu đãi; kêu gọi, lựa chọn các nhà đầu tư phù hợp cho các dự án; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP, các lĩnh vực phát triển đô thị, bảo vệ môi trường, giao thông, cấp nước...; phân bổ các nguồn vốn có trọng tâm, trọng điểm để phát triển đô thị.

- Xây dựng cơ chế chính sách để đẩy mạnh xã hội hóa phát triển đô thị và các dịch vụ tiện ích đô thị; khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở thương mại, các công trình dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí, văn hóa thể thao, y tế, giáo dục, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý rác thải, nghĩa trang...; huy động nguồn vốn trong dân để tăng nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thu từ quỹ đất, đấu giá quyền sử dụng đất tăng thu ngân sách, để đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển đô thị.

5.3. Giải pháp thúc đẩy tăng dân số đô thị

- Mở rộng địa giới hành chính cho các đô thị theo quy hoạch chung đã xác định, thành lập mới các thị trấn theo Kế hoạch của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển các Khu, Cụm, điểm công nghiệp, các cơ sở dịch vụ thương mại, du lịch...tạo động lực phát triển đô thị qua đó thu hút lực lượng lao động, tăng dân số cơ học.

- Chuyển dịch lao động từ nông, lâm nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ và hình thành các đô thị mới, các khu dân cư tập trung phi nông nghiệp.

- Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng đô thị, giữ gìn môi trường, cảnh quan, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt của người dân, tạo cơ hội việc làm tại đô thị để thu hút người dân đến ở và làm việc.

5.4. Giải pháp về cơ chế chính sách phát triển đô thị

- Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách phát triển đô thị, cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ tiếp cận đất đai, tạo môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư phát triển đô thị.

- Xây dựng chính sách giải phóng mặt bằng hợp lý, có quỹ đất sạch để thu hút các nhà đầu tư tiềm năng; hỗ trợ tái định cư, tạo điều kiện cho nhà đầu tư khi xây dựng kết cấu hạ tầng, phấn đấu đạt các chỉ tiêu đề ra từng giai đoạn 5 năm.

- Ưu đãi và hỗ trợ tiếp cận tín dụng đối với nhà đầu tư dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân của các Khu công nghiệp, giáo dục, y tế, thể thao, nhà máy cấp nước sạch; cầu, đường bộ, đường sắt, xử lý rác thải, xử lý nước thải...

5.5. Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý phát triển đô thị

- Cấp uỷ, Chính quyền các huyện, thành phố chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển đô thị. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho công tác lập, điều chỉnh quy hoạch chung, các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết nhằm đảm bảo khai thác tốt tiềm năng thế mạnh; Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả đất đai trong phát triển đô thị.

- Công khai quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển đô thị, các khu, cụm công nghiệp và tiềm năng kinh tế - xã hội của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng để thu hút đầu tư.

- Các ngành tiếp tục tổ chức rà soát lại quy hoạch đã được phê duyệt, đánh giá kết quả thực hiện điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; gắn kết chặt chẽ quy hoạch xây dựng đô thị với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đô thị; Thực hiện tốt việc phân kỳ đầu tư và thu hồi đất, khai thác sử dụng đất đi đôi với bảo vệ môi trường, chú ý xử lý ô nhiễm, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đất đai, nguồn nước, không khí...

- Chính quyền các cấp đẩy mạnh cải cách hành chính trong xây dựng, quản lý phát triển đô thị. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản lý nhà nước đối với cán bộ làm công tác quản lý.

- Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về quy hoạch đô thị, trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường, chế độ sử dụng và khai thác công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực đô thị.

5.6. Giải pháp quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng và bảo vệ môi trường

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung toàn tỉnh và các đô thị đảm bảo kết nối giữa tỉnh với Vùng Thủ đô, Vùng Trung du miền núi phía Bắc và liên kết giữa các đô thị trong tỉnh.

- Khai thác hiệu quả các tuyến giao thông huyết mạch quốc gia và vùng Thủ đô đi qua như QL1A, cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, QL37, QL31, vành đai IV vùng Thủ đô, đường sắt ...để phát triển kinh tế xã hội thông qua việc giao lưu và giao thương với các khu vực trọng điểm phát triển trong vùng và cả nước.

- Đẩy nhanh, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình đầu mối trọng điểm cấp vùng tỉnh có sức lan tỏa, để tạo đột phá, sự chuyển biến về chất lượng đô thị. Quy hoạch và đầu tư hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, chất thải rắn hướng tới tiết kiệm nước, tái sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng: Chủ trì, tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị; tham mưu giúp UBND tỉnh tổng kết vào quý III/2020 và quý III/2025, quý

III/2030. Rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch theo quy định; hướng dẫn UBND các huyện, thành phố lập đề án nâng loại đô thị, chương trình phát triển đô thị; xây dựng cơ chế chính sách phát triển khu đô thị. Tổ chức lập và trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh và quy hoạch phân khu các đô thị. Thẩm định các đề án quy hoạch, chương trình phát triển đô thị theo quy định. Tham mưu đề xuất lựa chọn các nhà đầu tư tiềm năng để đầu tư phát triển các khu đô thị. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án phát triển đô thị phù hợp với quy hoạch chung, các quy hoạch khác có liên quan và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đầu tư xây dựng; tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình; quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối bố trí kinh phí hàng năm đảm bảo thực hiện Chương trình phát triển đô thị có hiệu quả; Đầu mối tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách để thu hút nguồn vốn đầu tư, tranh thủ các nguồn vốn của trung ương, của nước ngoài và tìm kiếm các nguồn vốn vay ưu đãi; kêu gọi, lựa chọn các nhà đầu tư phù hợp cho các dự án; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư theo hình thức đầu tư PPP các lĩnh vực môi trường, giao thông, cấp nước...; phân bổ các nguồn vốn có trọng tâm, trọng điểm để phát triển đô thị.

3. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất liên quan đến nguồn vốn dành cho công tác phát triển đô thị; kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác thanh quyết toán các dự án đầu tư theo quy định.

4. Sở Nội Vụ: Tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với UBND các huyện, thành phố trong việc thành lập mới thị trấn, sát nhập, mở rộng địa giới hành chính cho các đô thị. Tham mưu giúp UBND tỉnh kiện toàn bộ máy hành chính. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Đề án để chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý chính quyền đô thị. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao năng lực quản lý và phát triển đô thị đối với cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền đô thị các cấp.

5. Sở Giao thông Vận tải: Chỉ đạo nâng cao chất lượng các công trình giao thông, quy hoạch, xây dựng các tuyến đường kết nối đô thị với đô thị, đô thị với các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, phân bổ kế hoạch sử dụng đất hàng năm phù hợp với quy hoạch đô thị đảm bảo thuận lợi để phát triển đô thị. Giải quyết kịp thời, nhanh gọn các thủ tục thu hồi, giao đất, tháo gỡ khó khăn trong bồi thường GPMB, không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.

7. UBND các huyện, thành phố: Xây dựng nhiệm vụ cụ thể cho từng đô thị và danh mục để thu hút đầu tư; Chủ trì rà soát lập điều chỉnh quy hoạch chung các đô thị đảm bảo đủ tiêu chí theo Nghị quyết số 1210/2016 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị và Nghị quyết số 1211/2016 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị

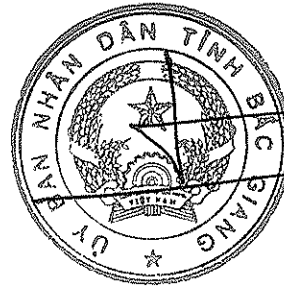
hành chính và phân loại đơn vị hành chính của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để nâng cấp, thành lập thị trấn, thị xã; lập kế hoạch, đề án mở rộng địa giới hành chính và nâng cấp các đô thị trên địa bàn. Xây dựng, triển khai và giám sát việc thực hiện quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đối với các thị trấn; quy định phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong việc lập, triển khai thực hiện xây dựng theo quy hoạch và quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị tại địa phương. Xây dựng đề án, cơ chế tạo điều kiện hình thành các đơn vị quản lý, tổ chức dịch vụ đô thị; cán bộ phụ trách công tác phát triển đô thị. Quy định cơ chế quản lý hoạt động, phát triển dịch vụ đô thị tại các điểm dân cư tập trung có tính chất đô thị; thành lập ban chỉ đạo phát triển đô thị. Tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đảm bảo bàn giao mặt bằng sạch cho các dự án theo đúng tiến độ, mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, tranh thủ các nguồn vốn, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, khai thác tối đa nguồn thu từ quỹ đất. Hàng năm xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm về quy hoạch đô thị, trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường. Xây dựng bộ máy chính quyền tại khu vực đô thị vững mạnh; kiện toàn, phát huy vai trò của Đội quản lý trật tự Giao thông Xây dựng và Môi trường của các huyện, thành phố... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng (B/c);
- TT. Tỉnh uỷ, TT.HĐND tỉnh (B/c);
- UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, các Ban của Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh; VP HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TTTT, Các phòng, Cv GT-XD;
- + Lưu: VT, XD.Linh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn